

I. Ngành : BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành, nghề	: 6620116
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo	: 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Cao đẳng Bảo vệ thực vật đào tạo ra cử nhân Bảo vệ thực vật có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực Bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện được các quy trình Bảo vệ thực vật trong canh tác các loại cây trồng phổ biến; nắm bắt xu thế phát triển của nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp. Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo ra cử nhân thực hành Bảo vệ thực vật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn ngành Bảo vệ thực vật và có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, đáp ứng yêu cầu xã hội. Sau tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc độc lập tại các doanh nghiệp, kinh tế hộ, các cơ quan quản lý, nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ sở ngành: di truyền thực vật, sinh lý - hóa sinh thực vật, giống cây trồng, khoa học đất và phân bón, bảo vệ thực vật...để đảm bảo học các môn chuyên ngành và tiếp thu các kỹ thuật mới;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về bảo vệ thực vật và biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch các loại cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau, cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh, cây dầu tằm...ở các điều kiện sinh thái khác nhau...

2.2.2. Về kỹ năng:

- Thành thạo các kỹ năng chuyên môn thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật và có khả năng chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật về bảo vệ thực vật vào sản xuất;
- Xây dựng được quy trình dự tính, dự báo dịch hại cây trồng;
- Chỉ đạo thực hiện phòng chống dịch hại trên một số loại cây trồng phổ biến;
- Thực hiện thành thạo các biện pháp phòng trừ dịch hại có hiệu quả và an toàn về môi trường;
- Xử lý kịp thời các tình huống biến động trong thực tiễn sản xuất vào chăm sóc cây trồng;
- Thực hiện nhuần nhuyễn các quy trình kỹ thuật trồng và hướng tới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- Thực hiện được việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho các cán bộ có chuyên môn thấp hơn hoặc nông dân.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trung thực, có tính kỷ luật cao, tác phong công nghiệp, có khả năng tự tổng hợp tài liệu và làm việc theo nhóm;

- Có nhận thức sâu sắc về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn tự cập nhật thông tin.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các cơ sở sản xuất hộ gia đình, doanh nghiệp, tại các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, kinh doanh, tư vấn kỹ thuật của ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật như: giống cây trồng; vật tư phân bón; thuốc bảo vệ thực vật ...và có khả năng quản lý đội, tổ, nhóm.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2415 (giờ)
- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 (giờ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1980 (giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 612 (giờ); thực hành, thực tập: 1803 (giờ)

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Trong đó			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung, đại cương	19	435	157	255	23
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH03	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở ngành	12	270	120	138	12
MĐ 08	Kỹ năng giao tiếp	2	45	20	23	2
MĐ 09	Sinh lý thực vật	2	45	20	23	2
MĐ 10	Giống cây trồng	2	45	20	23	2
MĐ 11	Đất trồng và phân bón	2	45	20	23	2
MĐ 12	Côn trùng đại cương	2	45	20	23	2
MĐ 13	Bệnh cây đại cương	2	45	20	23	2

II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</i>	31	780	250	502	28
MĐ 14	Quản lý dịch hại cây chè	3	75	20	53	2
MĐ 15	Quản lý dịch hại cây lương thực	3	75	20	53	2
MĐ 16	Quản lý dịch hại cây ăn quả	3	75	20	53	2
MĐ 17	Quản lý dịch hại cây cà phê	3	75	20	53	2
MĐ 18	Quản lý dịch hại cây rau	2	60	15	43	2
MĐ 19	Quản lý dịch hại tổng hợp	2	45	20	23	2
MĐ 20	Thuốc bảo vệ thực vật	3	75	20	53	2
MĐ 21	Quản lý dịch hại cây tiêu	2	45	20	23	2
MĐ 22	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	45	20	23	2
MĐ 23	Quản lý dịch hại cây hoa	2	60	15	43	2
MĐ 24	Quản lý dịch hại cây dâu	2	45	20	23	2
MĐ 25	Quản lý dịch hại nấm	2	45	20	23	2
MĐ 26	Nông nghiệp hữu cơ	1	30	10	18	2
MĐ 27	Kinh tế nông nghiệp	1	30	10	18	2
II.3	<i>Các mô đun thực tập</i>	20	885	0	885	0
MĐ 28	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0
MĐ 29	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0
MĐ 30	Tham quan thực tế doanh nghiệp	1	30	0	30	0
MĐ 31	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.4	<i>Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2)</i>	2	45	20	23	2
MĐ 33a	Khuyến nông	2	45	20	23	2
MĐ 33b	Sơ chế, bảo quản sau thu hoạch	2	45	20	23	2
TỔNG CỘNG		84	2415	547	1803	65

II. Ngành : KHOA HỌC CÂY TRỒNG

Mã ngành, nghề : 6620109
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy

Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo : 2,5 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Cao đẳng Khoa học cây trồng đào tạo ra cử nhân Khoa học cây trồng có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực trồng trọt. Thực hiện được các quy trình canh tác các loại cây trồng phổ biến; vận hành được một số công nghệ cao phổ biến trong lĩnh vực nông nghiệp hiện nay; nắm bắt xu thế phát triển của nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững; xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp. Có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo ra cử nhân Khoa học cây trồng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn ngành trồng trọt và có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, đáp ứng yêu cầu xã hội. Sau tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc độc lập tại các doanh nghiệp, kinh tế hộ, các cơ quan quản lý, nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các kiến thức cơ sở ngành: di truyền thực vật, sinh lý - hóa sinh thực vật, giống cây trồng, khoa học đất và phân bón, bảo vệ thực vật...để đảm bảo học các môn chuyên ngành và tiếp thu các kỹ thuật mới;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản và biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch các loại cây lương thực, cây công nghiệp, cây rau, cây ăn quả, cây hoa, cây cảnh...ở các điều kiện sinh thái khác nhau...

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các phương pháp kỹ thuật nhân giống;
- Thực hiện thành thạo các quy trình canh tác một số cây trồng phổ biến và hướng tới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;
- Xử lý kịp thời các tình huống biến động trong thực tiễn sản xuất vào chăm sóc cây trồng;
- Thực hiện thành thạo các biện pháp phòng trừ dịch hại có hiệu quả và an toàn về môi trường;
- Chuyển giao được tiến bộ kỹ thuật cho người lao động áp dụng vào sản xuất;
- Thực hiện được việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho các cán bộ có chuyên môn thấp hơn hoặc nông dân.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Trung thực, có tính kỷ luật cao, tác phong công nghiệp, có khả năng tự tổng hợp tài liệu và làm việc theo nhóm;
- Có nhận thức sâu sắc về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp;
- Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn tự cập nhật thông tin.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các cơ sở sản xuất hộ gia đình, doanh nghiệp hoặc làm việc tại các cơ sở nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp hoặc kinh doanh, tư vấn kỹ thuật của ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật như: giống cây trồng; vật tư phân bón; thuốc bảo vệ thực vật và có khả năng quản lý đội, tổ, nhóm.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2415 giờ
- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1980 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 617 giờ; thực hành, thực tập: 1798 giờ

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
			Trong đó				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm	Kiểm tra	
I	Các môn học chung, đại cương	19	435	157	255	23	
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3	
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3	
MH03	Tin học	3	75	15	58	2	
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5	
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2	
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4	
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề						
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở ngành	12	285	115	158	12	
MĐ 08	Kỹ năng giao tiếp	2	45	20	23	2	
MĐ 09	Sinh lý thực vật	2	45	20	23	2	
MĐ 10	Giống cây trồng	2	45	20	23	2	
MĐ 11	Đất trồng và phân bón	2	60	15	43	2	
MĐ 12	Côn trùng đại cương	2	45	20	23	2	
MĐ 13	Bệnh cây	2	45	20	23	2	
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	30	765	260	477	28	
MĐ 14	Trồng Cây chè	2	60	15	43	2	
MĐ 15	Trồng Cây cà phê	3	60	25	33	2	
MĐ 16	Trồng cây lương thực	2	60	15	43	2	
MĐ 17	Trồng Cây ăn quả	3	60	25	33	2	

MĐ 18	Trồng cây tiêu	2	60	15	43	2	
MĐ 19	Trồng dâu nuôi tằm	2	60	15	43	2	
MĐ 20	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	45	25	18	2	
MĐ 21	Trồng Cây rau	2	60	15	43	2	
MĐ 22	Trồng Cây hoa	2	60	15	43	2	
MĐ 23	Thuốc bảo vệ thực vật	2	45	20	23	2	
MĐ 24	Nhân giống vô tính	2	45	20	23	2	
MĐ 25	Trồng cây dược liệu	2	60	15	43	2	
MĐ 26	Nông nghiệp hữu cơ	2	45	20	23	2	
MĐ 27	Kinh tế nông nghiệp	2	45	20	23	2	
II.3	Các mô đun thực tập	20	885	0	885	0	
MĐ28	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0	
MĐ 29	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0	
MĐ 30	Tham quan thực tế doanh nghiệp	1	30	0	30	0	
MĐ 31	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0	
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0	
II.4	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2)	2	45	20	23	2	
MĐ 33a	Khuyến nông	2	45	20	23	2	
MĐ 33b	Sơ chế, bảo quản sau thu hoạch	2	45	20	23	2	
TỔNG CỘNG		83	2415	552	1798	65	